Ký số bởi: TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 14/11/2025 04:19:23+07:00
Xác thực bởi: VNPT-CA SHA2

BREM
TRUNG TÂM QUAN TRẮC - KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

PL6 - TT - TN - QLM

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 831/2025 /KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 13 tháng 06 năm 2025

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP - KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 1
Địa chỉ: phường Mỹ Phước, TP Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 19/05/2025
4. Điều kiện lấy mẫu: TRỜI NẮNG
5. Ngày nhận mẫu: 20/05/2025 **Ngày thử nghiệm:** 20/05/2025
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP - KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 1
Địa chỉ: phường Mỹ Phước, TP Bến Cát, tỉnh Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: Phòng Quan trắc môi trường
8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0525-83600	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	4 - 50	SMEWW 2550B:2023 (**)	30,7	40
2	Màu sắc	Pt-Co	3	TCVN 6185:2015(C) (*) (**)	3	50
3	pH	-	2 - 12	TCVN 6492:2011 (*) (**)	7,1	6 - 9
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5)	mgO_2/L	7	TCVN 6001-1:2021 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 7)	24,3
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO_2/L	10	TCVN 6491:1999 (*) (**)	12	60,75
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625:2000 (*) (**)	6	40,5
7	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,0003)	0,0405
8	Thủy Ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877:2008 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,0003)	0,00405
9	Chì (Pb)	mg/L	0,001	SMEWW 3113B:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,001)	0,081
10	Cadimi (Cd)	mg/L	0,0002	SMEWW 3113B:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,0002)	0,0405

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0525-83600	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
11	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	0,005	SMEWW 3500-Cr.B:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,005)	0,0405
12	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 + SMEWW 3500-Cr.B:2023 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,06)	0,162
13	Đồng (Cu)	mg/L	0,03	TCVN 6193(A):1996 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,03)	1,62
14	Kẽm (Zn)	mg/L	0,01	TCVN 6193(A):1996 (*) (**)	0,01	2,43
15	Niken (Ni)	mg/L	0,001	SMEWW 3113B:2023 (*) (**)	0,009	0,162
16	Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,03)	0,405
17	Sắt tổng (Tổng Fe)	mg/L	0,03	TCVN 6177:1996 (*) (**)	0,03	0,81
18	Tổng Xyanua	mg/L	0,0015	SMEWW 4500-CN-C&E:2023 (a)	Không phát hiện (LOD= 0,0015)	0,0567
19	Tổng Phenol	mg/L	0,01	TCVN 6216:1996 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,01)	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	1	SMEWW 5520B&F:2023 (**)	Không phát hiện (LOD= 1)	4,05
21	Sunfua	mg/L	0,005	SMEWW 4500-S2.B&D:2023 (*) (**)	0,009	0,162
22	Florua (F^-)	mg/L	0,1	SMEWW 4500 F-.B&D:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,1)	4,05
23	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,21	TCVN 5988:1995 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,21)	4,05
24	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638:2000 (*) (**)	4,5	16,2
25	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,03	TCVN 6202:2008 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,03)	3,24
26	Clorua (Cl^-)	mg/L	5	TCVN 6194:1996 (*) (**)	10,6	405
27	Clo dư (Cl_2)	mg/L	0,26	TCVN 6225-3:2011 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,26)	0,81
28	Coliform	MPN/ 100 mL	2	SMEWW 9221(B):2023 (*) (**)	210	3.000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,09	TCVN 6053:2011 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,09)	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	0,5	TCVN 6219:2011 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,5)	1

Ghi chú:

- QCVN 40-2011/ BTNMT (A): Kq=0,9; Kf=1
- Vị trí lấy mẫu:

DV0525-83600: Đầu ra trạm XLNT 4.000 m^3/ngày (mương đo lưu lượng)

- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (a) : Thông số được phân tích bởi Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam, Vimcerts 075

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG	PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Hồng Nga	Nguyễn Chí Cường

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm)

Số: 831/2025/KQ-TTQTKT

Bình Dương, ngày 11 tháng 06 năm 2025

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Nơi lấy mẫu: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP - KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 1
Địa chỉ: phường Mỹ Phước, TP Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Ngày lấy mẫu: 19/05/2025
4. Điều kiện lấy mẫu: TRỜI NẮNG
5. Ngày nhận mẫu: 20/05/2025 **Ngày thử nghiệm:** 20/05/2025
6. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP – CTCP - KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 1
Địa chỉ: phường Mỹ Phước, TP Bến Cát, tỉnh Bình Dương
7. Đơn vị lấy mẫu: Phòng Quan trắc môi trường
8. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0525-22456	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
1	Nhiệt độ	°C	4 - 50	SMEWW 2550B:2023 (**)	29,8	40
2	Màu sắc	Pt-Co	3	TCVN 6185:2015(C) (*) (**)	7	50
3	pH	-	2 - 12	TCVN 6492:2011 (*) (**)	7	6 - 9
4	Nhu cầu oxy sinh hóa sau 5 ngày (BOD_5)	mgO_2/L	7	TCVN 6001-1:2021 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 7)	24,3
5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mgO_2/L	10	TCVN 6491:1999 (*) (**)	14	60,75
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	5	TCVN 6625:2000 (*) (**)	8	40,5
7	Asen (As)	mg/L	0,0003	TCVN 6626:2000 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,0003)	0,0405
8	Thủy Ngân (Hg)	mg/L	0,0003	TCVN 7877:2008 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,0003)	0,00405
9	Chì (Pb)	mg/L	0,001	SMEWW 3113B:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,001)	0,081
10	Cadimi (Cd)	mg/L	0,0002	SMEWW 3113B:2023 (*)	Không phát hiện (LOD= 0,0002)	0,0405

Phiếu kết quả này không được sao chép từng phần ngoại trừ toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của BREM
Địa chỉ: 26 Huỳnh Văn Nghệ, Phường Phú Lợi, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Website: www.moitruongbinhduong.gov.vn ĐT: 0274.3897628 Fax: 0274 3824753

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn phát hiện	Phương pháp thử / thiết bị đo	Kết quả	Quy chuẩn
					DV0525-22456	QCVN 40-2011/ BTNMT (A)
				(**)		
11	Crom VI (Cr^{6+})	mg/L	0,005	SMEWW 3500-Cr.B:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,005)	0,0405
12	Crom III (Cr^{3+})	mg/L	0,06	TCVN 6222:2008 + SMEWW 3500-Cr.B:2023 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,06)	0,162
13	Đồng (Cu)	mg/L	0,03	TCVN 6193(A):1996 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,03)	1,62
14	Kẽm (Zn)	mg/L	0,01	TCVN 6193(A):1996 (*) (**)	0,02	2,43
15	Niken (Ni)	mg/L	0,001	SMEWW 3113B:2023 (*) (**)	0,011	0,162
16	Mangan (Mn)	mg/L	0,03	SMEWW 3111B:2023 (*) (**)	0,03	0,405
17	Sắt tổng (Tổng Fe)	mg/L	0,03	TCVN 6177:1996 (*) (**)	0,05	0,81
18	Tổng Xyanua	mg/L	0,0015	SMEWW 4500-CN-C&E:2023 (a)	Không phát hiện (LOD= 0,0015)	0,0567
19	Tổng Phenol	mg/L	0,01	TCVN 6216:1996 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,01)	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	1	SMEWW 5520B&F:2023 (**)	Không phát hiện (LOD= 1)	4,05
21	Sunfua	mg/L	0,005	SMEWW 4500-S2.B&D:2023 (*) (**)	0,005	0,162
22	Florua (F^-)	mg/L	0,1	SMEWW 4500 F-.B&D:2023 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,1)	4,05
23	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,21	TCVN 5988:1995 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,21)	4,05
24	Tổng Nitơ	mg/L	2	TCVN 6638:2000 (*) (**)	5,3	16,2
25	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/L	0,03	TCVN 6202:2008 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,03)	3,24
26	Clorua (Cl^-)	mg/L	5	TCVN 6194:1996 (*) (**)	88,6	405
27	Clo dư (Cl_2)	mg/L	0,26	TCVN 6225-3:2011 (*) (**)	Không phát hiện (LOD= 0,26)	0,81
28	Coliform	MPN/ 100 mL	2	SMEWW 9221(B):2023 (*) (**)	220	3.000
29	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,09	TCVN 6053:2011 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,09)	0,1
30	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	0,5	TCVN 6219:2011 (**)	Không phát hiện (LOD= 0,5)	1

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

DV0525-22456: Đầu ra trạm XLNT 8.000 m3/ngày (mương đo lưu lượng)

- (*) : Phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025
- (**) : Phép thử được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP (VIMCERTS-002)
- (a) : Thông số được phân tích bởi Trung tâm Phân tích và Đo đạc Môi trường Phương Nam, Vimcerts 075

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo.

Khách hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin mẫu.

TRƯỞNG PHÒNG PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG	PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Hồng Nga	Nguyễn Chí Cường